TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2018
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN D
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Sức.

2. Ông Nguyễn Văn Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 05/4/2018 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Kim N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PT, huyện PT, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp BP 1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 15/3/2018 nguyên đơn là chị Đinh Thị Kim N trình bày:

Sau thời gian tìm hiểu nhau về tình cảm, tháng 9/2015 chị và anh Nguyễn Văn D được sự đồng ý của hai bên gia đình nên tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc đến cuối tháng 12/2015 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên chị bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sinh sống, từ đó chính thức ly thân cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống như vợ chồng chị với anh D có 01 con chung tên Đinh Thị Ngọc Hân, sinh ngày 11/6/2016 hiện đang do chị nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả chung của vợ chồng: Không có.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh D, được tiếp tục nuôi con tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 11/6/2016 và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh hoàn toàn thống nhất theo trình bày của chị N và anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, đồng ý giao cháu Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 11/6/2016 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng cho con đến khi thay đổi người trực tiếp nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh D với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp BP 1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N với anh D được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới và trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 9/2015 đến nay anh chị vẫn chưa đăng ký kết hôn. Xét thấy, anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh D và chị N là vợ chồng.

[4] Về con chung: Anh D, chị N xác định có một con chung tên Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 11/6/2016 đang do chị N nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi và từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu H đã sống chung với chị N, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị, cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường, chị N có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H nên yêu cầu tiếp tục được nuôi con của chị là phù hợp với khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và anh D cũng đồng ý để chị được tiếp tục nuôi con, nghĩ nên tiếp tục giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng. Anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Do đó, việc anh D đồng ý cấp dưỡng cho con là phù hợp.

[6] Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng: Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình về mức cấp dưỡng quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình về phương thức cấp dưỡngquy định: *"Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần"*.

Anh D và chị N đã tự thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nên HĐXX công nhận, cụ thể: anh D phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 29/5/2018 (dl), mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016703 ngày 05/4/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 14; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn D và chị Đinh Thị Kim N là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đinh Thị Ngọc H, sinh ngày 11/6/2016.

Anh D phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 29/5/2018 (dl), mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền, anh D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016703 ngày 05/4/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang. Anh D phải chịu án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hữu Nghĩa